

Số: 3437 /CHKQTTSN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 202.

V/v Thông báo lựa chọn đối tác cho thuê vị trí
mặt bằng quảng cáo tại nhà ga quốc tế
– Cảng HKQT Tân Sơn Nhất

THÔNG BÁO LỰA CHỌN ĐỐI TÁC THUÊ VỊ TRÍ MẶT BẰNG QUẢNG CÁO

Hiện nay, Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất chúng tôi đang có nhu cầu tìm đối tác tham gia hạng mục “Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại khu vực nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

I. Thông tin về địa điểm, vị trí mặt bằng quảng cáo

1. **Địa điểm:** Khu vực khu vực nhà ga quốc tế – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

2. Vị trí mặt bằng:

TIA tổ chức lựa chọn đối tác cho **159 (một trăm năm mươi chín)** vị trí mặt bằng quảng cáo tại khu vực nhà ga quốc tế với quy mô về diện tích theo **Bảng kê chi tiết** đính kèm.

➤ Bản vẽ bố trí vị trí mặt bằng quảng cáo đính kèm.

❖ Diện tích quảng cáo có thể thay đổi theo thực tế khai thác căn cứ trên Biên bản tiếp nhận vị trí mặt bằng quảng cáo/Biên bản nghiệm thu lắp đặt quảng cáo.

3. Phạm vi tham gia lựa chọn:

Số lượng vị trí mặt bằng quảng cáo đơn vị được tham gia: không hạn chế.

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất trân trọng kính mời Quý công ty quan tâm và tham gia lựa chọn theo thời gian và tại địa điểm sau:

4. Thời gian

- Thời gian phát hành Hồ sơ mời tham gia: Từ 10h00' sáng ngày 27/06/2025.
- Thời hạn nộp Hồ sơ đề xuất: Đến 10h00' sáng ngày 14/07/2025.

5. Địa điểm phát hành Hồ sơ mời tham gia và nộp Hồ sơ đề xuất

Phòng Kinh doanh (P.211) – Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, P.2, Q.Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: 028.3848.5383 (Etx:3357); Fax: 028 3848.8279

Người liên lạc: Bà Vũ Hương Giang (Tel: 0933899299)

Email: giangvh1@acv.vn

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Giám đốc (để báo cáo);
- PKD;
- Lưu VT

TL.GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Hải Hà

BẢNG KÊ CHI TIẾT
VỊ TRÍ MẶT BẰNG QUẢNG CÁO TẠI NHÀ GA QUỐC TẾ
- CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Stt	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Số lượng (vị trí)	Kích thước			Diện tích (m2)	Hình thức quảng cáo
				Dài	Rộng	Số mặt		
1	Khu vực sân đậu		9					
1.1	IDS.76	Khu vực sân đậu quốc tế nhà chờ xe bus	1	100	0,5	1	50,00	Dán decal
1.2	IP.09	Khu vực sân đậu quốc tế	1	15	6	1	90,00	Hộp đèn
1.3	IP.17	Trên nóc trạm thu phí quốc tế	1	12	2,5	1	30,00	Hộp đèn
1.4	IP.19	Khu vực đường vào nhà ga quốc tế	1	8	4	1	32,00	Hộp đèn
1.5	IP.20	Khu vực đường vào nhà ga quốc tế	1	8	4	1	32,00	Hộp đèn
1.6	IP.01	Khu vực đường vào nhà ga quốc tế	1	5	3	1	15,00	Hộp đèn
1.7	IP.03	Khu vực đường vào nhà ga quốc tế	1	5	3	1	15,00	Hộp đèn
1.8	IP.04	Khu vực đường vào nhà ga quốc tế	1	5	3	1	15,00	Hộp đèn
1.9	IP.05	Khu vực đường vào nhà ga quốc tế	1	5	3	1	15,00	Hộp đèn
1.10	IP.07	Khu vực đường vào nhà ga quốc tế	1	5	3	1	15,00	Hộp đèn
2	Khu vực sảnh đến		6					
2.1	IAP.17	Khu vực sảnh đón quốc tế đến	1			2		Màn hình ≤ 75"
2.2	IAP.18	Khu vực sảnh đón quốc tế đến	1			2		Màn hình ≤ 75"
2.3	IAP.19	Khu vực sảnh đón quốc tế đến	1			2		Màn hình ≤ 75"
2.4	IAP.20	Khu vực sảnh đón quốc tế đến	1			2		Màn hình ≤ 75"
2.5	IAP.21	Khu vực sảnh đón quốc tế đến	1			2		Màn hình ≤ 75"
2.6	IAP.22	Khu vực sảnh đón quốc tế đến	1			2		Màn hình ≤ 75"
3	Khu vực hạn chế đến		34					
3.1	IAR.81	Khu vực hạn chế ga quốc tế đến cánh phải	1	13	1	1	13,00	Hộp đèn
3.2	IAR.82	Khu vực hạn chế ga quốc tế đến cánh trái	1	13	1	1	13,00	Hộp đèn
3.3	IAR.34	Khu vực đối diện quầy nhập cảnh CACK	1	13	1	1	13,00	Hộp đèn
3.4	IAR.79	Khu vực đối diện quầy nhập cảnh CACK	1	13	1	1	13,00	Hộp đèn
3.5	IAR.39	Khu vực đối diện quầy nhập cảnh CACK	1	13	1	1	13,00	Hộp đèn
3.6	IAR.35	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.7	IAR.31	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.8	IAR.38	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.9	IAR.43	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.10	IAR.47	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.11	IAR.01	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.12	IAR.04	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.13	IAR.05	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.14	IAR.09	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn

Stt	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Số lượng (vị trí)	Kích thước			Diện tích (m2)	Hình thức quảng cáo
				Dài	Rộng	Số mặt		
3.15	IAR.06A	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.16	IAR.06B	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.17	IAR.08	Bảng ốp cột khu vực hạn chế quốc tế đến	1	1,2	2,5	1	3,00	Hộp đèn
3.18	IAR.57	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.19	IAR.58	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.20	IAR.59	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.21	IAR.60	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.22	IAR.61	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.23	IAR.62	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.24	IAR.63	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.25	IAR.64	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.26	IAR.65	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.27	IAR.66	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.28	IAR.67	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.29	IAR.68	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.30	IAR.69	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.31	IAR.70	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.32	IAR.71	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.33	IAR.72	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
3.34	IAR.73	Khu vực ốp tường bằng chuyển lấy hành lý	1			1		Màn hình ≤ 75"
4	Khu vực cách ly đến		55					
4.3	IAR1.01	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.4	IAR1.02	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.5	IAR1.03	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.6	IAR1.04	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.7	IAR1.05	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.8	IAR1.06	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.9	IAR1.08	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.10	IAR1.09	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.11	IAR1.11	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn

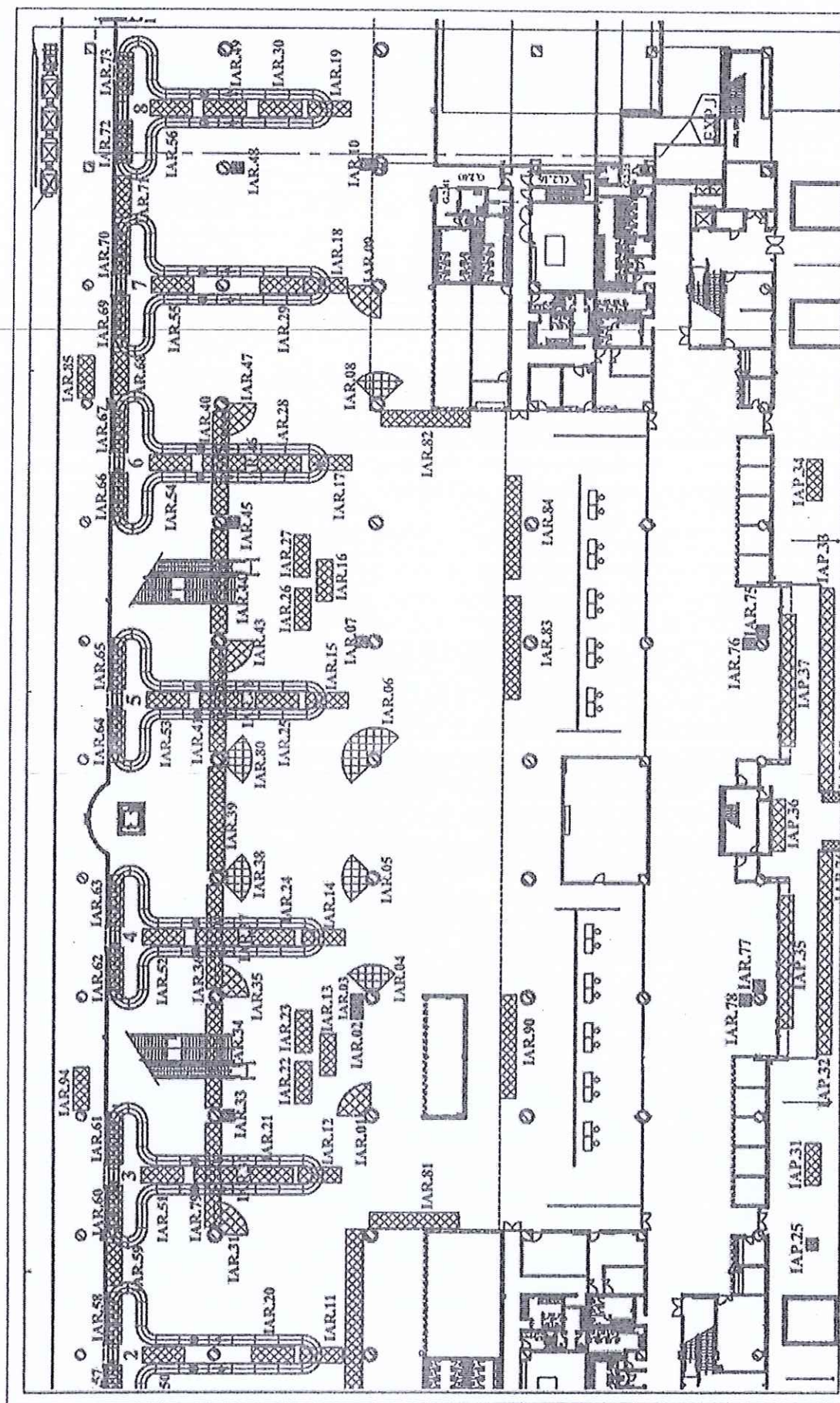
Stt	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Số lượng (vị trí)	Kích thước			Diện tích (m2)	Hình thức quảng cáo
				Dài	Rộng	Số mặt		
4.12	IAR1.12	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.13	IAR1.20	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.14	IAR1.29	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.15	IAR1.41	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.16	IAR1.45	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.17	IAR1.47	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.18	IAR1.48	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.19	IAR1.50	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.20	IAR1.51	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.21	IAR1.53	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.22	IAR1.55	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.23	IAR1.56	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.24	IAR1.57	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.25	IAR1.58	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.26	IAR1.59	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.27	IAR1.60	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.28	IAR1.61	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.29	IAR1.62	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.30	IAR1.63	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
4.31	IAR1.15	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.32	IAR1.16	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.33	IAR1.17	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.34	IAR1.19	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.35	IAR1.21	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.36	IAR1.22	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.37	IAR1.23	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.38	IAR1.25	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.39	IAR1.26	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.40	IAR1.28	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.41	IAR1.30	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal

388
CÁN
CHON
1 SƠ
ẢNH T
G HÃ
ỆT NÀ
H-T

Stt	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Số lượng (vị trí)	Kích thước			Diện tích (m2)	Hình thức quảng cáo
				Dài	Rộng	Số mặt		
4.42	IAR1.31	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.43	IAR1.32	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.44	IAR1.34	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.45	IAR1.35	Khu vực đường vào trước CACK cánh trái	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.46	IAR1.64	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.47	IAR1.65	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.48	IAR1.66	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.49	IAR1.67	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.50	IAR1.68	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.51	IAR1.69	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.52	IAR1.70	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.53	IAR1.71	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.54	IAR1.72	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.55	IAR1.73	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.56	IAR1.74	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
4.57	IAR1.75	Khu vực đường vào trước CACK cánh phải	1	1,8	2	1	3,60	Dán decal
5	Khu vực sảnh đi		1					
5.1	IDP2.25	Khu vực sảnh đi	1	7	3	1	10,00	Màn hình Led ≤ 10 m2
						1	11,00	Màn hình Led > 10 m2
6	Khu vực hạn chế đi		11					
6.1	IDC2.06	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
6.2	IDC2.07	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
6.3	IDC2.10	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
6.4	IDC2.11	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
6.5	IDC2.12	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
6.6	IDC2.14	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
6.7	IDC2.15	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
6.8	IDC2.16	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
6.9	IDC2.17	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
6.10	IDC2.18	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
6.11	IDC2.19	Khu vực hạn chế quốc tế đi	1	3,5	1,5	1	5,25	Hộp đèn
7	Khu vực cách ly đi		43					
7.1	IDFS2.03	Khu vực sau CACK	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.2	IDFS2.04	Khu vực sau CACK	1	2	1,8	2	5,28	Hộp đèn
7.3	IDFS2.05	Khu vực sau CACK	1	2	1,8	2	5,28	Hộp đèn

Stt	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Số lượng (vị trí)	Kích thước			Diện tích (m2)	Hình thức quảng cáo
				Dài	Rộng	Số mặt		
7.4	IDFS2.06	Khu vực sau CACK	1	2	1,8	2	5,28	Hộp đèn
7.5	IDFS2.07	Khu vực sau CACK	1	2	1,8	2	5,28	Hộp đèn
7.6	IDFS2.08	Khu vực sau CACK	1	2	1,8	2	5,28	Hộp đèn
7.7	IDB2.28	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.8	IDB2.29	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.9	IDB2.30	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.10	IDB2.31	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.11	IDB2.32	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.12	IDB2.33	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.13	IDB2.34	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.14	IDB2.35	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.15	IDB2.37	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.16	IDB2.38	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.17	IDB2.39	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.18	IDB2.68	Khu vực sau An ninh soi chiếu	1	2	1,8	1	2,64	Hộp đèn
7.19	IDB2.03	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.20	IDB2.04	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.21	IDB2.05	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.22	IDB2.06	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.23	IDB2.07	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.24	IDB2.08	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.25	IDB2.09	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.26	IDB2.10	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.27	IDB2.11	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.28	IDB2.12	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.29	IDB2.13	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh trái	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.30	IDB2.52	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.31	IDB2.53	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.32	IDB2.54	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.33	IDB2.55	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.34	IDB2.56	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.35	IDB2.57	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.36	IDB2.58	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.37	IDB2.59	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.38	IDB2.60	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.39	IDB2.61	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.40	IDB2.62	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.41	IDB2.63	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.42	IDB2.64	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
7.43	IDB2.65	Khu vực cách ly quốc tế đi cánh phải	1	2	1,8	1	3,60	Decal
Tổng cộng			159,00				-	

25
 G
 3 QU
 1 NH
 0NG
 IG KH
 M - C
 P. H



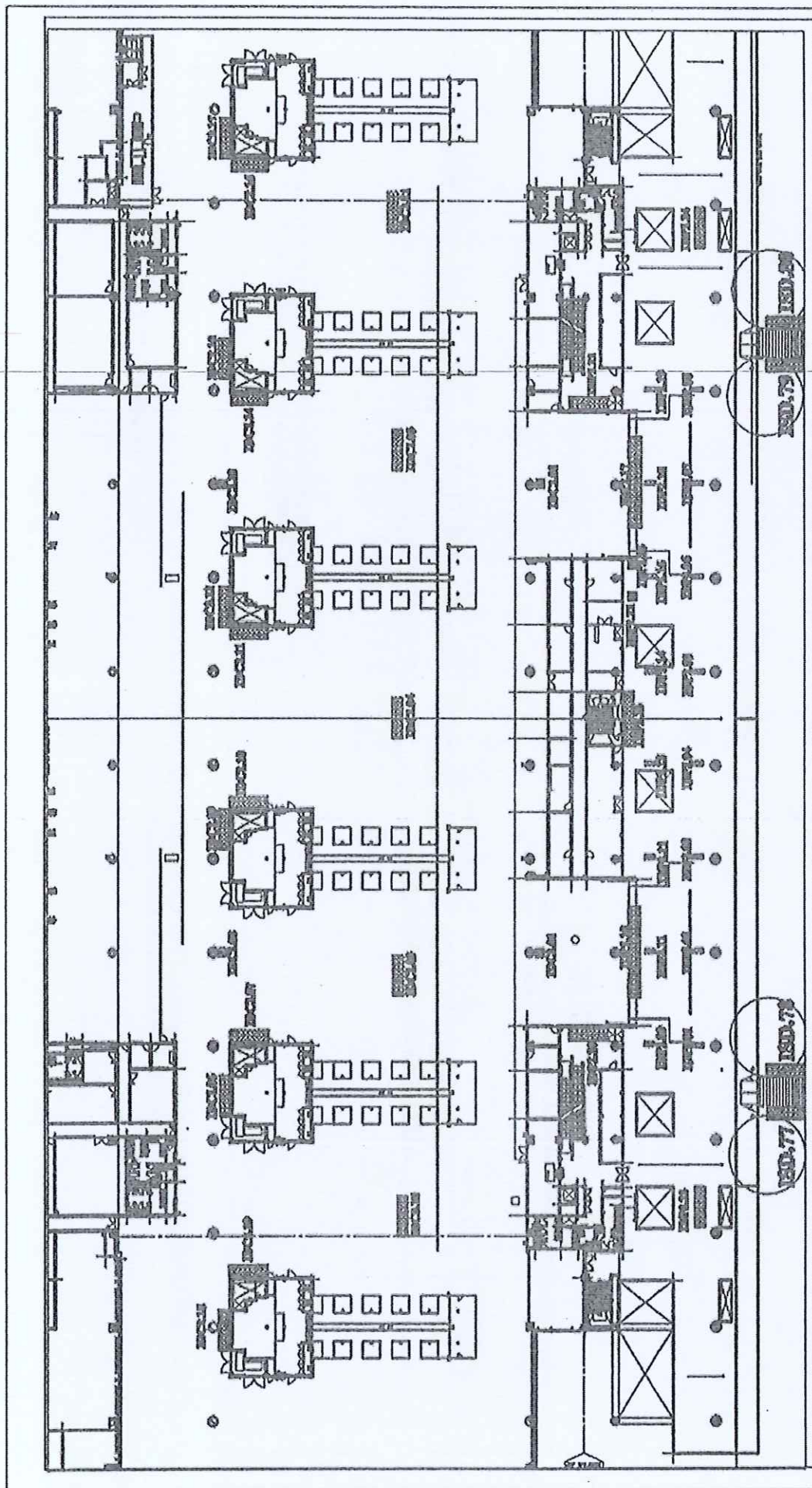
MẶT BẰNG BỐ TRÍ BẢNG QUẢNG CÁO TẠI TẦNG TRỆT - GA QUỐC TẾ - KHU VỰC
HẠNH CHẾ ĐỀN VÀ BẢNG CHUYỂN ĐẾN

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
TÂN SƠN NHẤT

KL.00/01

20/41

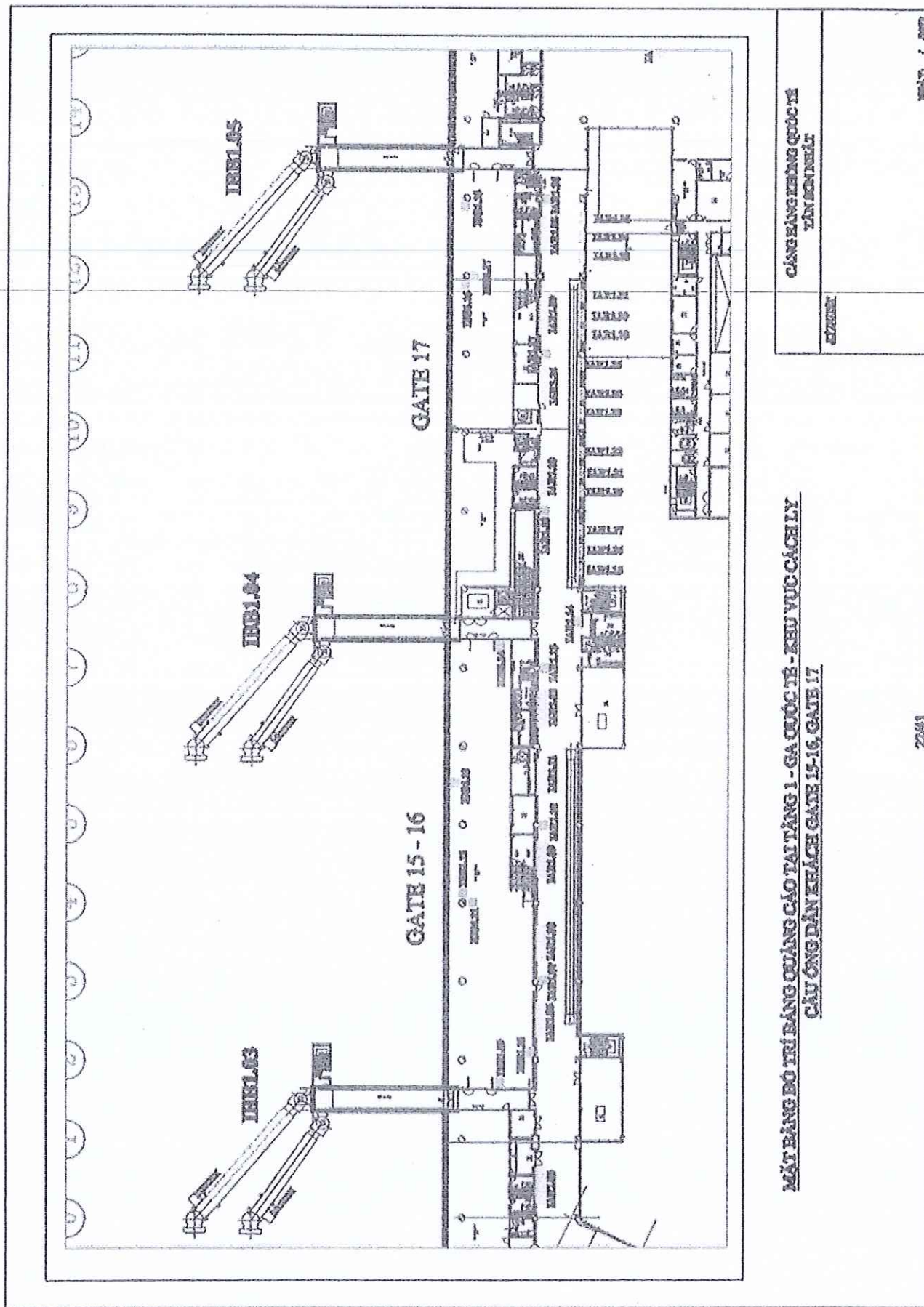
NGÀY: / / 2024



**MẶT BẰNG BỐ TRÍ BẢNG QUẢNG CÁO TẠI TẦNG 2 - GA QUỐC TẾ -
KHU VỰC LÀM THỦ TỤC HĂNG KHÔNG**

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
TÂN SƠN NHẤT

KT.000002



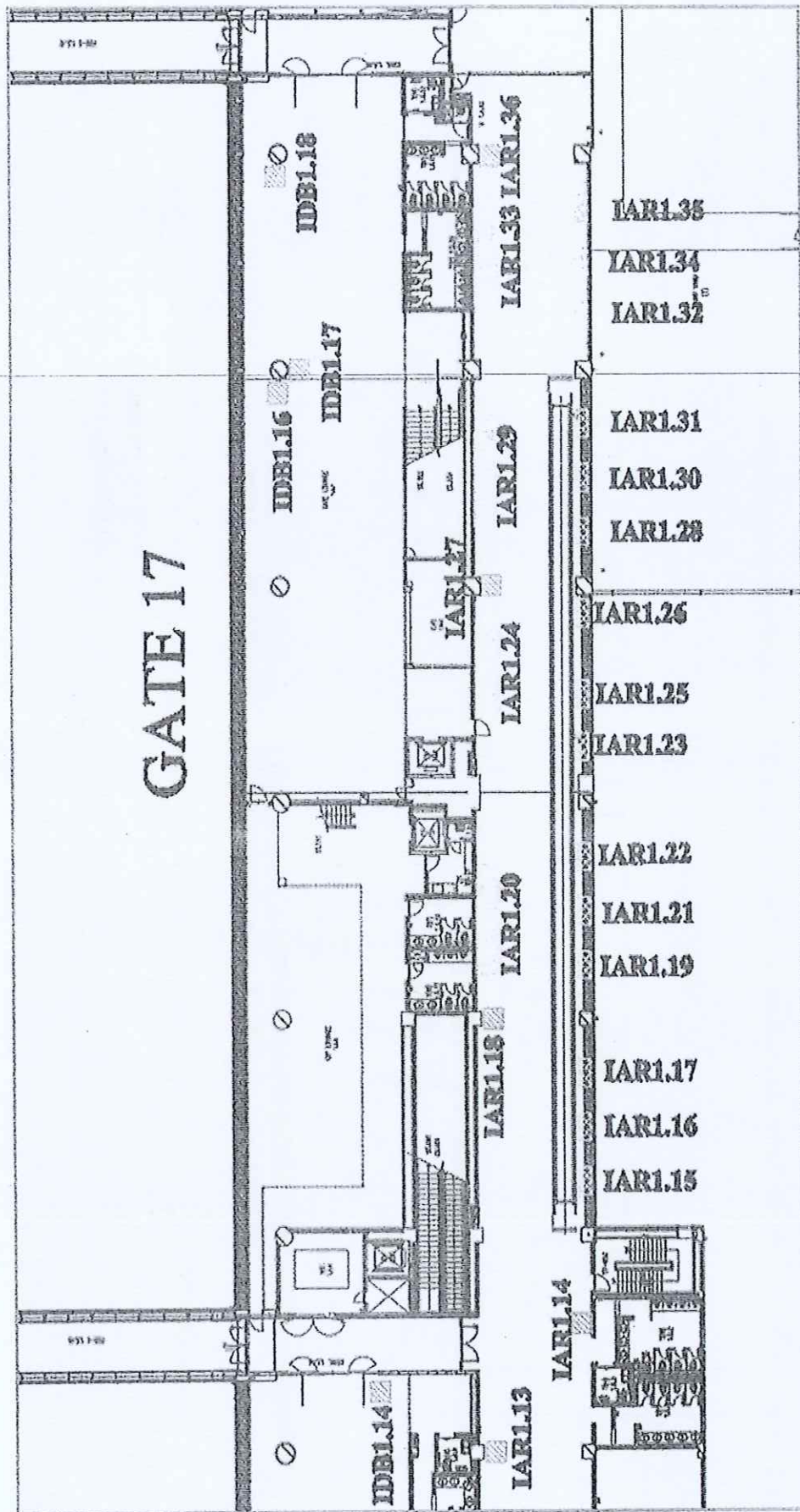
MẶT BẰNG ĐỒ TRÍ BẢNG QUẢNG CÁO TẠI TẦNG 1 - GA QUỐC TẾ - KHU VỰC CÁCH LY
CẦU ÔNG DẪN KHÁCH GATE 15-16, GATE 17

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT	
CHỖ ĐÓNG	

72641

1/2000

GATE 17



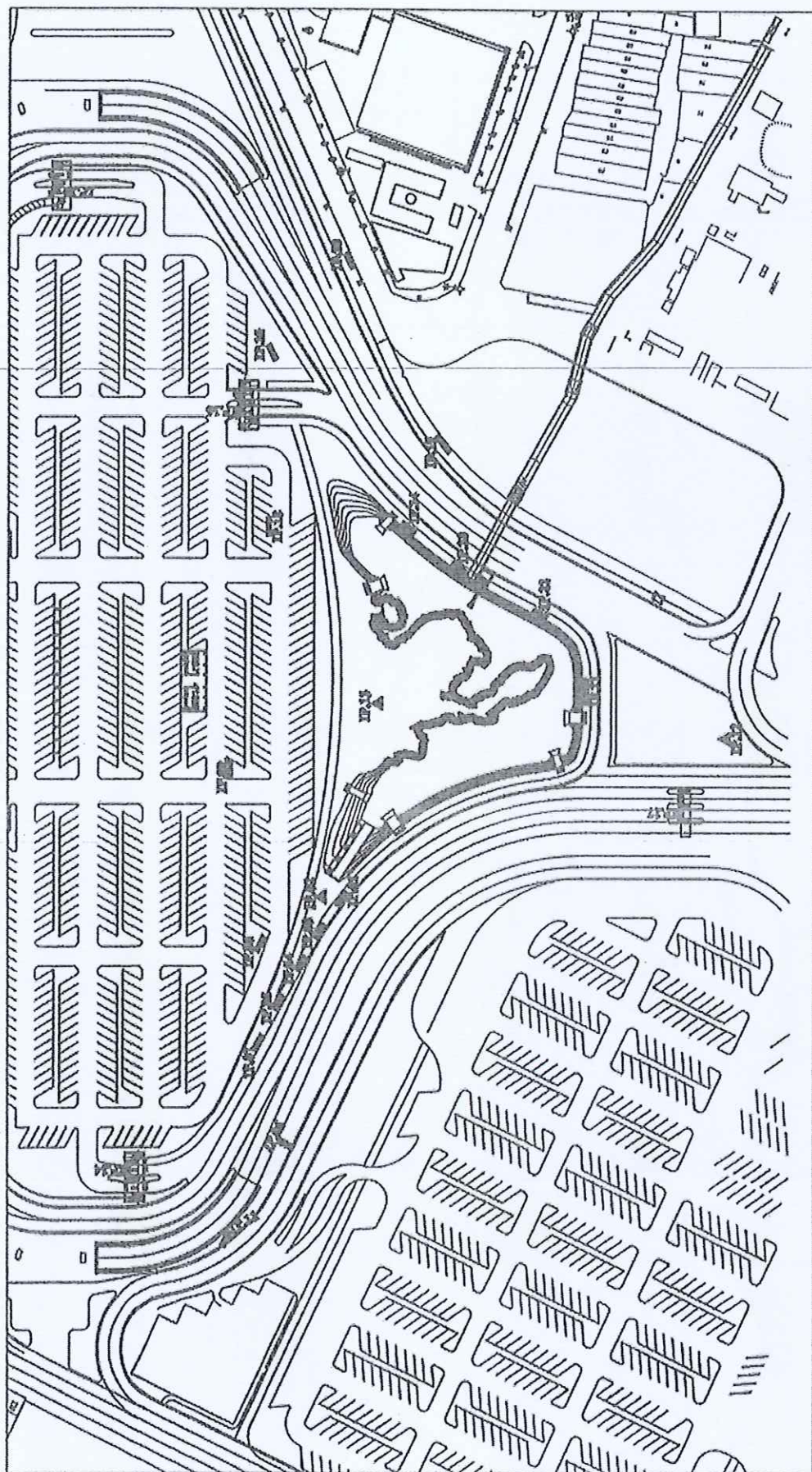
MẶT BẰNG BỐ TRÍ BẢNG QUẢNG CÁO TẠI TẦNG 1 - GA QUỐC TẾ - KHU VỰC
CÁCH LY ĐI GATE 17 VÀ HÀNH LANG CÁCH LY ĐI GATE 17

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
TÂN SƠN NHẤT

STANDARD

27/41

10/01/2023



MẶT BẰNG BỐ TRÍ BẢNG QUẢNG CÁO - GA QUỐC TẾ - KHU VỰC BÃI BẦU XE

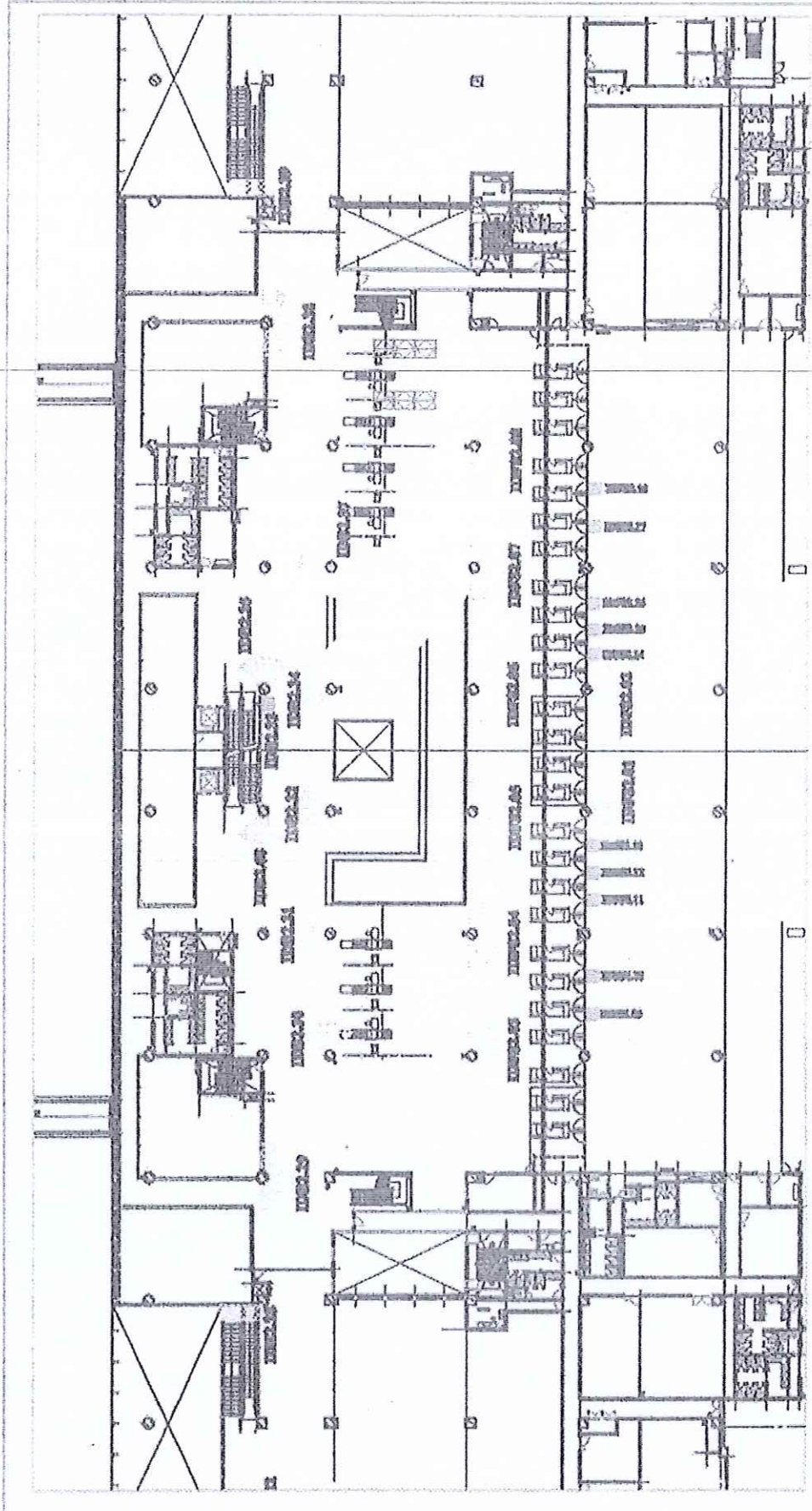
CÁC HẰNG KHANG QUỐC TẾ
TÂN SƠN NHẤT

1:10000

1991

NGUYỄN / 2000





MẶT BẰNG BỘ THÍ BẢNG QUẢN CÁO TẠI TẦNG 2 - GA QUỐC TẾ - KHU VỰC
CÁCH LY HI - SÁU CÔNG AN CỦA KHAI VÀ ĐÀU AN NINH SƠI CHIEU

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
TÂN BÌNH NHẤT

1:2000

34/41

1:2000